

Số: 165/BC-MNPT

Phú Tân, ngày 23 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Ngày 03 tháng 6 năm 2024 của bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: Trường Mầm non Phú Tân

2. Địa chỉ trụ sở: Địa chỉ: Số 02, đường D 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 3669911

Email: mn-phutan@tptdm.edu.vn

Website: <https://mnphutan.tptdm.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập

Chức năng: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mầm non

Nhiệm vụ: Nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 24 tháng đến 5 tuổi

- Nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao là tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 24-36 tháng đến 5-6 tuổi. Thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nâng cao chất lượng về đội ngũ về trình độ, năng lực công tác và kỹ năng giảng dạy.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mệnh: Xây dựng ngôi trường chăm sóc giáo dục an toàn, thân thiện, tôn trọng sự khác biệt để phát huy khả năng vốn có của từng trẻ, từ đó định hướng cho trẻ phát triển cho tương lai.

Tầm nhìn:

Một ngôi trường thân thiện, hợp tác, uy tín. Trẻ mạnh dạn tự tin, biết hợp tác, chia sẻ yêu thương, có sự sáng tạo, tư duy độc lập, tham gia tích cực vào các hoạt động nhận thức và có những kỹ năng giải quyết vấn đề, hướng tới năng lực tự khẳng định giá trị bản thân để tự tin bước vào lớp một.

Là một trong những trường có thành tích chất lượng cao của Thành Phố Thủ Dầu Một.

Mục tiêu:

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

a. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một. Trường đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2015.

Nhà trường được Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một đầu tư xây dựng tại số 02, đường D3, khu 1, phường Phú Tân với tổng diện tích là 9.630m², gồm 20 phòng học, các phòng chức năng và hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ theo yêu cầu. Khuôn viên trường rộng rãi thoáng, không khí trong lành, có đủ đồ chơi ngoài trời được sắp xếp, bố trí phù hợp với độ tuổi mầm non.

- Trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm học 2020- 2021.
- Năm học 2020-2021: Trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số: số 2454/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Năm học 2020-2021: Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1607/QĐ-SGDĐT ngày 20/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo
- Trong hai năm liên trường được UBND tỉnh công nhận Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen của UBND Tỉnh, năm học 2021- 2022; 2022 – 2023.

b. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Phạm Thị Ánh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Phú Tân, số 02, đường D 3, Khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0946785862

Email: phamthianh5862@gmail.com

c. Tổ chức bộ máy

- Trường mầm non Phú Tân được thành lập theo Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một. Trường đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay.

- Nhà trường thực hiện kiện toàn các thành viên Hội đồng trường và được UBND thành phố công nhận. Năm 2024, các thành viên Hội đồng trường gồm 13 thành viên:

S T T	Giới tính	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Nhiệm kỳ
1	Bà	Phạm Thị Ánh	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	2024-2028
2	Bà	Lê Thị Thúy Hằng	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thư ký	2024-2028
3	Bà	Phạm Thị Thu Diệu	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	2024-2028
4	Bà	Thái Thị Hồng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	2024-2028
5	Ông	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng Ban đại diện cha mẹ trẻ	Thành viên	2024-2028
6	Ông	Thái Văn Chót	PCT UBND phường Phú Tân	Thành viên	2024-2028
7	Bà	Vũ Thị Thuận	Chủ tịch Công Đoàn	Thành viên	2024-2028
8	Bà	Hoàng Thị Ý	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên	2024-2028
9	Bà	Danh Thị Ngân Hạnh	Thanh tra Nhân dân trường học	Thành viên	2024-2028
10	Bà	Phan Hoàng Thị Mỹ Linh	Tổ trưởng tổ khối Mầm- Nhà trẻ	Thành viên	2024-2028
11	Bà	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Tổ trưởng tổ khối Chồi	Thành viên	2024-2028

12	Bà	Vũ Thị Dung	Tổ trưởng tổ khối Lá	Thành viên	2024-2028
13	Bà	Nguyễn Ngọc Châu	Tổ trưởng tổ Cấp dưỡng	Thành viên	2024-2028

- Năm học 2024-2025 đội ngũ CBGVNV nhà trường có 40 người trong đó: 01 Hiệu trưởng; 02 Phó Hiệu trưởng; 25 giáo viên; 12 nhân viên (kế toán, văn thư; 02 bảo vệ; 01 phục vụ; 7 cấp dưỡng).

+ Hiệu trưởng: Bà Phạm Thị Ánh – Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về việc Bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng ngành giáo dục Đào tạo TP TDM.

+ Phó Hiệu trưởng: Thái Thị Hồng - Quyết định số 4004/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về việc Bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng ngành giáo dục Đào tạo TP TDM

+ Phó Hiệu trưởng: Phạm Thị Thu Diệu - Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về việc Bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng ngành giáo dục Đào tạo TP TDM

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

S TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	39	00	18	10	0	11
I	Cán bộ quản lý	3		3			
1	Hiệu trưởng	1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2			
II	Giáo viên	24		15	9		
1	Nhà trẻ	2		2			
2	Mẫu giáo	22		13	9		
III	Nhân viên	12			1	1	10

1	Nhân viên Văn thư	01				1	
2	Nhân viên Kế toán	01			1		
3	Nhân viên Y tế	00					
4	Nhân viên Cấp dưỡng	07					7
5	Nhân viên Phục vụ	01					1
6	Nhan viên Bảo vệ	02					2

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp:

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025 (Kết quả đạt)
1	Cán bộ quản lý	03
	Số lượng	03
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	25 (13 XL Tốt; 12 XL: Khá) gồm GVHD
	Tỷ lệ	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Yêu cầu theo quy định
1	Điểm trường			
2	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	9.630m ² /345	9.630m ² /367	đạt
	Diện tích bình quân mỗi trẻ (m ² /trẻ)	27.91 m ² /1 trẻ	26.24 m ² /1 trẻ	đạt
3	Khối phòng hành chính			đạt
3.1	Phòng hiệu trưởng	01	01	đạt
3.2	Phòng phó hiệu trưởng	02	02	đạt
3.3	Văn phòng trường	01	01	đạt

3.4	Phòng hành chính quản trị	01	01	đạt
3.5	Phòng bảo vệ	01	01	đạt
3.6	Nhà vệ sinh	01	01	Được bố trí theo các khối phòng hành chính. Phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt.
3.7	Nhà để xe của CBGVNV có đủ chỗ và có mái che	01	01	đạt
4	Phòng chăm sóc, nuôi dưỡng (lớp học)			
4.1	Phòng học kiên cố	20	20	
4.2	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	75,6m ²	75,6m ²	đạt
4.3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	28,5 m ² /phòng	28,5 m ² /phòng	đạt
4.4	Diện tích hiên chơi (m ²)	51.6m ² /phòng	51.6m ² /phòng	đạt
5	Phòng tổ chức ăn			
5.1	Phòng bếp	01	01	đạt
5.2	Kho bếp	01	01	đạt
6	Khối phụ trợ			
6.1	Phòng hội trường (phòng họp)	01	01	đạt
6.2	Phòng y tế	01	01	Có giường bệnh và thiết bị y tế phục vụ sơ

				cấp cứu ban đầu
6.3	Nhà kho (dụng cụ và học phẩm)	01	01	đạt
6.4	Sân vườn (tổ chức vận động; sân khấu ngoài trời)	3.493.0m ²	3.493.0m ²	đạt
6.5	Cổng, hàng rào	dài 394,0m, chiều cao tường 2,04m	dài 394,0m, chiều cao tường 2,04m	đạt
7	Hạ tầng kỹ thuật			
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Có hệ thống cung cấp nước sạch và đấu nối nước thải theo quy định	Có hệ thống cung cấp nước sạch và đấu nối nước thải theo quy định	đạt
7.2	Hệ thống cấp điện	Đảm bảo đủ công suất và an toàn	Đảm bảo đủ công suất và an toàn	đạt
7.3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành	đạt
7.4	Hạ tầng công nghệ thông tin (điện thoại; mạng internet...)	Sử dụng cáp mạng âm tường theo thiết kế thi công ban đầu.	Trang bị lại hệ thống cáp mạng bằng thiết bị wifi cho các khối lớp	đạt
7.5	Khu thu gom rác thải	Có khu vực tập kết rác thải riêng và hợp đồng thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh	Có khu vực tập kết rác thải riêng và hợp đồng thu gom rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh	đạt

8	Khối phòng phục vụ học tập			
8.1	Thư viện	01	01	đạt
8.2	Phòng máy	01	01	đạt
8.3	Phòng thể chất	01	01	đạt
8.4	Phòng nghệ thuật	01	01	đạt
9	Thiết bị đồ dùng, đồ chơi phục vụ chăm sóc giáo dục:			
9.1	Máy vi tính	27	27	đạt
9.2	Máy chiếu	01	01	đạt
9.3	Ti vi	22	22	đạt
9.4	Nhạc cụ (Đàn organ)	16	16	đạt
9.5	Máy photo	01	01	đạt
9.6	Đầu Video/đầu đĩa	22	22	đạt
9.7	Thiết bị âm thanh (Ampli, thùng bass)	02 bộ	02 bộ	đạt
9.8	Đồ chơi ngoài trời	16 bộ	16 bộ	đạt
9.9	Bàn ghế đúng quy cách	302 bộ	302 bộ	đạt
9.10	Thiết bị phát triển ngôn ngữ, làm quen với Tiếng Anh và kỹ năng tìm kiếm thông tin cho trẻ	01 bộ	01 bộ	đạt

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá:

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục - chuẩn quốc gia theo Thông tư 19. Hội đồng tự đánh giá các tiêu chuẩn theo quy định. Có kế hoạch thực hiện các biện pháp cải tiến khắc phục điểm yếu đã xác

định. Năm 2023-2024 tự đánh giá đạt cấp độ 2, chuẩn quốc gia Mức 1. Đăng ký đánh giá ngoài năm học 2025- 2026.

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 100%

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 100%

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt: 05/18 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 27.8%

Cụ thể: Đánh giá tiêu chí từ Mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	-
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	-
Tiêu chí 1.4		x	x	-
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	-
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	-
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	x

Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	-
Tiêu chí 4.2		x	x	-
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	-

Kết quả: Tự đánh giá Đạt Mức 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định đạt chất lượng giáo dục: (thời điểm 20/10/2021)

- Quyết định số 1607/QĐ-SGDĐT ngày 20/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Kết quả về thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	09 (01 nhóm trẻ; 8 lớp mẫu giáo)	12 (01 nhóm trẻ; 11 lớp mẫu giáo)
2	Tổng số trẻ nhóm trẻ	26	25
2.1	Số trẻ bình quân/nhóm	26	25
3	Tổng số trẻ mẫu giáo	319	342
3.1	Số trẻ bình quân/lớp	39.9	31.09
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	345	367
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	345	367

6	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	345	367
6.1	<i>Số trẻ em được có tình trạng dinh dưỡng bình thường</i>	321	350
6.2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	0	2
6.3	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	0	0
6.4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể hai thể</i>	0	0
6.5	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm</i>	0	1
6.6	<i>Số trẻ thừa cân</i>	12	6
6.7	<i>Số trẻ béo phì</i>	12	6
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	Công nhận đạt PCGD trẻ 5 tuổi 100%	Công nhận đạt PCGD trẻ 5 tuổi 97.40% (225/231 trẻ)
8	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	1

*** Chất lượng thực hiện giáo dục:**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/năm - Cân đo trẻ theo quý 3 tháng 1 lần (tháng 9, 12, 3 thực hiện tổng cân đo) - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/ năm - Cân đo trẻ 3 lần/ năm học - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục mẫu

		duỡng và theo dõi biểu đồ phát triển - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục nhà trẻ hiện hành. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: 89.50%.	giáo hiện hành theo hướng phát triển chủ đề. - 100% trẻ được chuẩn bị tốt các điều kiện cho trẻ lên lớp 1 ở trường phổ thông. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: 93.39% Riêng trẻ 5 tuổi đạt: 95.89% - Tỷ lệ bé ngoan đạt: 91.33% Riêng trẻ 5 tuổi: 92.23%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Chương trình giáo dục nhà trẻ - Chủ đề thực hiện: 10 chủ đề/35 tuần - Nhà trẻ: 10 chủ đề	- Chương trình giáo dục mẫu giáo - Chủ đề thực hiện 35 tuần +Khối Lá: 12 chủ đề +Khối Chồi: 11 chủ đề +Khối Mầm: 11 chủ đề
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Đạt từ 80% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 24 đến 36 tháng	- Đạt từ 85% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Cơ sở vật chất đầy đủ theo qui định hiện hành. - Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ..	- Cơ sở vật chất đầy đủ theo qui định hiện hành. - Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Số TT	Chỉ số thống kê	6 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
1	2	3	

A	TỔNG THU	7.763.066.391	
I	Số thu phí, lệ phí	706.788.070	
1	Tồn năm 2024 mang sang	517.608.070	
2	Thu học phí lệ phí	189.180.000	
3	Khác		
II	Thu từ NSNN cấp (dự toán giao)	7.056.278.321	
1	Tồn năm 2024 mang sang	348.278.321	
2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.941.278.321	
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.115.000.000	
B	TỔNG CHI	3.493.668.017	
I	Chi từ nguồn học phí	596.169.990	
1	Chi sự nghiệp bậc học mầm non		
<i>a</i>	<i>Chi 60% hoạt động từ nguồn thu học phí</i>	96.161.906	
<i>b</i>	<i>Chi 40% bù lương từ nguồn thu học phí</i>	500.008.084	
II	CHI TỪ NGUỒN NSNN	2.897.498.027	
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.266.672.670	
6000	Tiền lương	901.645.212	
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	422.260.643	
6100	Phụ cấp lương	425.011.972	
6300	Các khoản đóng góp	342.427.875	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	19.168.737	
6550	Vật tư văn phòng	8.060.000	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	2.378.206	
6700	Công tác phí khoán	6.000.000	
6750	Chi phí thuê mướn	29.760.000	

6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	67.190.000	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	36.300.010	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	4.200.000	
7750	Chi khác	2.269.935	
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
6105	Phụ cấp làm thêm giờ	221.042.968	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	750.000	
6400	Chi các khoản thanh toán cho cá nhân	322.012.389	
6750	Chi phí thuê mướn		
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí không thường xuyên	7.020.000	
7750	Chi khác	80.000.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

- Nhà trường đã thực hiện tốt chủ đề năm học “*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 – 2025 với thông điệp hành động “Trường mầm non Phú Tân là một mái nhà hạnh phúc”* gắn liền với khẩu hiệu hành động “*Mỗi ngày đến trường là một ngày vui*”.

- Triển khai có hiệu quả chuyên đề “*Tôi yêu Việt Nam*” cấp cơ sở. Nhà trường phối hợp với cán bộ công an thành phố tổ chức tuyên truyền đến tập thể CBQL, GV, NV, phụ huynh và các bé chuyên đề về Luật an toàn giao thông. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh về việc thực hiện “*Văn hóa giao thông trước cổng trường*”. Phụ huynh tuân thủ theo việc để xe khi đưa đón con sắp xếp đúng nơi qui định của nhà trường.

- Giáo viên tham gia thi “Giáo viên dạy giỏi – cấp dưỡng giỏi” cấp thành phố: Kết quả: đạt 6/7 giáo viên, đạt tỉ lệ 85,71%. Cấp dưỡng tham gia thi cấp

dưỡng nấu ăn giỏi cấp thành phố: Kết quả: đạt 4/4 cấp dưỡng, đạt tỉ lệ 100%.

- Tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 2GV. Kết quả: đạt 2/2 giáo viên, đạt tỉ lệ 100%.

- Kết quả đạt sáng kiến cấp ngành: 7/7, đạt tỉ lệ 100%.

- Tham gia Hội thi “Bé chuẩn bị vào lớp 1” cấp thành phố: Đạt giải III màn chào hỏi, giải III trò chơi vận động và đạt giải III phần thi trắc nghiệm kiến thức.

- Phối hợp tốt với Ban đại diện Cha mẹ trẻ tổ chức tốt các ngày lễ, hội trong năm: Ngày hội đến trường của bé, Bé vui Tết trung thu, Bé vui xuân Ất Ty. Bên cạnh đó nhà trường cũng đã tổ chức các Hội thi nhằm tạo cho trẻ có một sân chơi bổ ích: “Bé vẽ tranh bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, “Bé kể chuyện Bác Hồ”; “Bé với An toàn giao thông”, “Kiến thức về an toàn giao thông”, “Sáng tạo Stem cùng bé”, “Hội Thi Bé Chuẩn bị vào lớp 1”.

- Tổ chức cho trẻ tham quan ngoại khóa và các khu di tích gắn với văn hóa địa phương. Trẻ được tham quan doanh trại bộ đội, tham gia trải nghiệm thực hành khu sinh thái Làng Việt Đại Nam. Các bé được mặc những bộ trang phục bà ba giản dị, hòa mình vào không gian làng quê tiếp trải nghiệm các hoạt động như: Trò chơi bắt vịt, bắt cá, thi cấy lúa, làm gỏi Bát Tráng, vẽ tranh Đông Hồ...Hoạt động giúp trẻ hòa mình với thiên nhiên và biết yêu thiên nhiên nhiều hơn.

- Phối hợp tốt với Ban đại diện Cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Nhà trường mời phụ huynh đến dự các hoạt động ăn, ngủ của trẻ (Khối Lá). Thông qua hoạt động phụ huynh biết được con em mình đến trường thực hiện tốt các nề nếp, giờ giấc của lớp theo qui định.

- Công tác đào tạo bồi dưỡng: Trong năm có 2 giáo viên tham gia học lớp Thạc sĩ quản lý giáo dục, 5 giáo viên tham gia học lớp cử nhân mầm non, 1 phó hiệu trưởng học lớp văn bằng 2, 01 văn thư học lớp bồi dưỡng kỹ năng văn thư. Giáo viên được tham gia học tập bồi dưỡng các chuyên đề mới ứng dụng phương pháp Stem/steam.

Kết quả học BDTX năm 2024 - 2025: CBQL hoàn thành 03/03, giáo viên: 24/24, tỉ lệ đạt 100%.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để b/c);
- BGH trường;
- Công khai website;
- Lưu VT./.



Phạm Thị Ánh

